

## 1. MỤC TIÊU

### 1.1. Kiến thức.

- Học sinh ôn tập các kiến thức về:
  - Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật.
  - Sinh trưởng và phát triển ở thực vật
  - Sinh trưởng và phát triển ở động vật

### 1.2. Kỹ năng:

- Học sinh rèn luyện các kỹ năng:
  - Làm bài trắc nghiệm
  - Vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng liên quan thực tiễn.
  - Rèn luyện tư duy, kỹ năng quan sát, suy luận và so sánh.
  - Rèn thói quen sinh hoạt luyện tập TDDT tốt cho sức khỏe.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Các dạng câu hỏi định tính:

**Câu 1:** Nêu khái niệm và trình bày các dấu hiệu đặc trưng của sinh trưởng và phát triển ở sinh vật.

**Câu 2:** Nêu khái niệm vòng đời và tuổi thọ của sinh vật.

**Câu 3:** Trình bày một số ứng dụng hiểu biết về vòng đời của sinh vật trong thực tiễn và một số yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ con người.

**Câu 4:** Nêu đặc điểm sinh trưởng và phát triển ở thực vật. Phân tích một số yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở thực vật.

**Câu 5:** Nêu khái niệm mô phân sinh và phân biệt các loại mô phân sinh.

**Câu 6:** Phân biệt sinh trưởng sơ cấp và thứ cấp ở thực vật.

**Câu 7:** Phân biệt các loại hoocmon kích thích và hoocmon ức chế sinh trưởng.

**Câu 8:** Vận dụng hiểu biết về sinh trưởng phát triển ở thực vật áp dụng vào thực tiễn để nâng cao năng suất trong trồng trọt.

**Câu 9:** Phân biệt các hình thức phát triển không qua biến thái và qua biến thái, phát triển qua biến thái hoàn toàn và biến thái không hoàn toàn.

**Câu 10:** Trình bày nơi sản xuất và vai trò của một số hoocmôn ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật có xương sống

**Câu 11:** Giải thích được tác động của các nhân tố bên trong bên ngoài ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật.

**Câu 12:** Phân tích đặc điểm tuổi dậy thì và ứng dụng hiểu biết về tuổi dậy thì trong bảo vệ sức khỏe, chăm sóc bản thân và người khác.

### 2.2. Các dạng câu hỏi định lượng: - Không

### 2.3. Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TL	TN
1	Khái quát về ST và PT	2	1				3
2	ST và PT ở thực vật	7	2	2	1	1	12
3	ST và PT ở động vật	6	4	2	1	2	13
Tổng	TN	17	6	4	2		28
	TL	1	1	1	0	3	

### 2.4. Câu hỏi và bài tập minh họa :

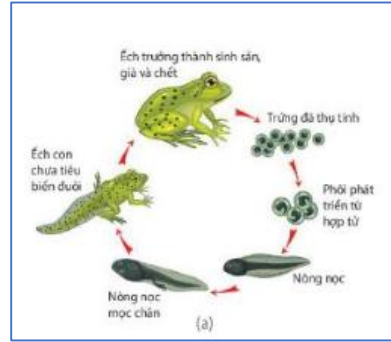
#### A. Mức độ Nhận biết

#### Tự luận

**Câu 1:** Nêu khái niệm và trình bày các dấu hiệu đặc trưng của sinh trưởng và phát triển ở sinh vật.

	<b>Sinh trưởng</b>	<b>Phát triển</b>
<b>KN</b>		
<b>Dấu hiệu đặc trưng</b>		
<b>Mối quan hệ giữa ST &amp; PT</b>		

**Câu 2:** Quan sát hình sau và mô tả vòng đời của ếch.



**Câu 3:** Phân biệt các loại mô phân sinh ở thực vật về vị trí và vai trò của mỗi loại theo bảng sau

	<b>MPS đỉnh</b>	<b>MPS lóng</b>	<b>MPS bên</b>
<b>Vị trí</b>			
<b>Chức năng</b>			
<b>Có ở nhóm TV</b>			

**Câu 4:** Phân biệt sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp ở thực vật theo bảng sau

	<b>Sinh trưởng sơ cấp</b>	<b>Sinh trưởng thứ cấp</b>
<b>Do hoạt động của MPS nào</b>		
<b>KQ sinh trưởng</b>		
<b>Xảy ra ở nhóm TV</b>		

**Câu 5:** Liệt kê các hoocmon thực vật

<b>Nhóm hoocmon kích thích sinh trưởng</b>	<b>Nhóm hoocmon ức chế sinh trưởng</b>

**Câu 6.** Lập bảng so sánh các kiểu phát triển ở động vật

	<b>Phát triển không qua biến thái</b>	<b>Phát triển qua biến thái không hoàn toàn</b>	<b>Phát triển qua biến thái hoàn toàn</b>
<b>1. Đại diện và VD</b>			
<b>2. Giao đoạn từ con non hoặc ấu trùng</b> (giống hay khác cơ thể trưởng thành, có trải qua lột xác hay không)			
<b>3. Giai đoạn trung gian</b>			

(có hay ko có)			
<b>4. KL về đặc điểm quá trình phát triển</b>			

**Câu 7.** Kể tên các hoocmon ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật có xương sống.

<i>Hoocmon</i>	<i>Nơi sản sinh</i>	<i>Ảnh hưởng</i>
<b>1. Hoocmon Sinh trưởng (GH)</b>		
<b>2. Hoocmon Tiroxin</b>		
<b>3. Hoocmon Oestrogen (ở nữ)</b>		
<b>4. Hoocmon Testosteron (ở nam)</b>		

**Câu hỏi trắc nghiệm**

**Câu 1:** Sinh trưởng ở sinh vật là

- A. quá trình tăng kích thước và tuổi của cơ thể.    B. quá trình tăng kích thước và khối lượng cơ thể.  
 C. quá trình tăng khối lượng và tuổi của cơ thể.    D. Quá trình tăng thể tích và khối lượng của cơ thể.

**Câu 2:** Phát triển ở sinh vật là

- A. toàn bộ những biến đổi diễn ra bên ngoài của cá thể, bao gồm thay đổi kích thước và cân nặng.  
 B. toàn bộ những biến đổi diễn ra bên ngoài cơ thể của cá thể, bao gồm thay đổi về số lượng tế bào, cấu trúc, hình thái và trạng thái sinh lý.  
 C. toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể, bao gồm thay đổi chiều cao, cân nặng và tuổi thọ.  
 D. toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kì sống của cá thể, bao gồm thay đổi về số lượng tế bào, cấu trúc, hình thái và trạng thái sinh lý.

**Câu 3:** Vòng đời của sinh vật là

- A. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành, sinh sản tạo cá thể mới, già đi rồi chết.  
 B. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành.  
 C. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành, sinh sản tạo cá thể mới.  
 D. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, sinh trưởng và phát triển thành cơ thể trưởng thành.

**Câu 4:** Tuổi thọ của một loài sinh vật là

- A. thời gian sống của các cá thể trong loài.  
 B. thời gian sống thực tế của các cá thể trong loài.  
 C. thời gian sống trung bình của các cá thể trong loài.  
 D. thời gian sống trung bình của các cá thể trong môi trường.

**Câu 5:** Quan sát hình vòng đời của ếch. Kiểu phát triển của ếch là

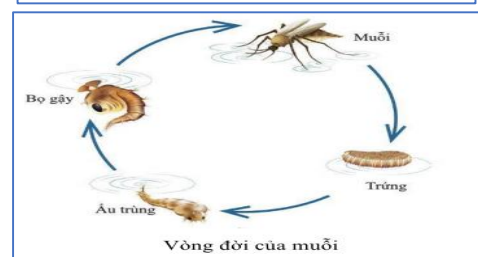
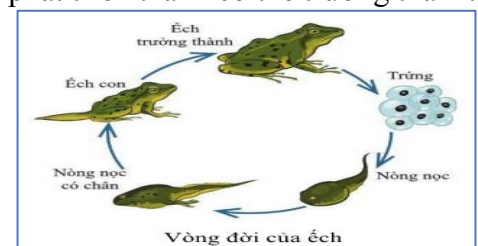
- A. không qua biến thái.    B. biến thái không hoàn toàn.  
 C. biến thái hoàn toàn.    D. biến thái 1 phần cơ thể.

**Câu 6:** Quan sát hình vòng đời của muỗi. Kiểu phát triển của muỗi

- A. không qua biến thái.    B. biến thái không hoàn toàn.  
 C. biến thái hoàn toàn.    D. biến thái 1 phần cơ thể.

**Câu 7:** Khi nói về đặc điểm sinh trưởng và phát triển ở thực vật, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Quá trình sinh trưởng và phát triển từ giai đoạn ra hoa cho đến



là

khi cây già và chết.

**B.** Sinh trưởng và phát triển xảy ra tại một số vị trí, cơ quan trên cơ thể thực vật như ngọn thân, đỉnh cành, chóp rễ nơi có các mô phân sinh.

**C.** Sinh trưởng và phát triển xảy ra tại tất cả cơ quan trên cơ thể thực vật làm tăng chiều cao, đường kính thân.

**D.** Sinh trưởng không giới hạn được biểu hiện bằng sự xuất hiện và thay mới của các cơ quan như cành, lá, rễ, hoa, quả trong suốt chu kỳ sống của cây.

**Câu 8:** Mỗi loài thực vật sinh trưởng và phát triển thuận lợi trong một khoảng nhiệt độ nhất định. Nhiệt độ tối ưu của cây ôn đới là

**A.** 15 – 20°C.

**B.** 20 – 30°C.

**C.** 25 – 35°C.

**D.** 0 – 15°C.

**Câu 9:** Mô phân sinh ở thực vật là

**A.** nhóm các tế bào chưa phân hóa, nhưng khả năng nguyên phân rất hạn chế.

**B.** nhóm các tế bào chưa phân hóa, có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống của thực vật.

**C.** nhóm các tế bào chưa phân hóa, mất dần khả năng nguyên phân.

**D.** nhóm các tế bào phân hóa, chuyên hóa về chức năng.

**Câu 10:** Loại mô phân sinh nào sau đây không có ở cây một lá mầm?

**A.** Mô phân sinh bên.

**B.** Mô phân sinh đỉnh cây.

**C.** Mô phân sinh lóng.

**D.** Mô phân sinh đỉnh rễ.

**Câu 11:** Khi nói về sinh trưởng thứ cấp, phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Sinh trưởng thứ cấp là sự gia tăng về chiều dài của cơ thể thực vật.

**B.** Sinh trưởng thứ cấp là do hoạt động của mô phân sinh bên.

**C.** Sinh trưởng thứ cấp có ở tất cả các loài thực vật.

**D.** Sinh trưởng thứ cấp chỉ có ở thực vật một lá mầm.

**Câu 12:** Ở cây hai lá mầm, tính từ ngọn đến rễ là các loại mô phân sinh theo thứ tự là:

**A.** Mô phân sinh đỉnh ngọn → Mô phân sinh bên → Mô phân sinh đỉnh rễ.

**B.** Mô phân sinh đỉnh ngọn → Mô phân sinh đỉnh rễ → Mô phân sinh bên.

**C.** Mô phân sinh đỉnh rễ → Mô phân sinh bên → Mô phân sinh bên.

**D.** Mô phân sinh bên → Mô phân sinh đỉnh ngọn → Mô phân sinh đỉnh rễ.

**Câu 13:** Ở cây một lá mầm, mô phân sinh gồm có

**A.** mô phân sinh đỉnh và mô phân sinh bên.      **B.** mô phân sinh lóng và mô phân sinh bên.

**C.** mô phân sinh đỉnh và mô phân sinh lóng.      **D.** mô phân sinh đỉnh và mô phân sinh rễ.

**Câu 14:** Ở cây hai lá mầm, thân và rễ dài ra là nhờ hoạt động của

**A.** mô phân sinh cành.      **B.** mô phân sinh bên.      **C.** mô phân sinh lóng.      **D.** mô phân sinh đỉnh.

**Câu 15:** Các hormone kích thích sinh trưởng bao gồm

**A.** auxin, gibberellin, cytokinin.

**B.** auxin, abscisic acid, cytokinin.

**C.** auxin, ethylene, abscisic acid.

**D.** auxin, gibberellin, ethylene.

**Câu 16:** Quá trình phát triển của động vật đẻ con gồm giai đoạn

**A.** phôi thai và hậu phôi.

**B.** phôi và hậu phôi.

**C.** hậu phôi và sau khi sinh.

**D.** phôi thai và sau khi sinh.

**Câu 17:** Sinh trưởng và phát triển ở động vật không qua biến thái có đặc điểm

**A.** con non có cấu tạo khác con trưởng thành.

**B.** con non lột xác hoàn thiện cơ thể giống con trưởng thành.

**C.** con non có sự lột xác biến đổi thành con trưởng thành.

**D.** con non có cấu tạo giống con trưởng thành.

**Câu 18:** Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn là

**A.** trường hợp ấu trùng có hình thái và cấu tạo rất khác với con trưởng thành.

**B.** trường hợp ấu trùng có hình thái giống với con trưởng thành, nhưng khác về cấu tạo.

**C.** trường hợp ấu trùng có cấu tạo giống với con trưởng thành, nhưng khác về hình thái.

**D.** trường hợp ấu trùng có hình thái và cấu tạo giống với con trưởng thành.

**Câu 19:** Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn là

**A.** trường hợp ấu trùng phát triển hoàn thiện, trải qua nhiều lần lột xác để biến đổi thành con trưởng thành.

B. trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua giai đoạn nhộng để biến đổi thành con trưởng thành.

C. trường hợp ấu trùng có hình thái và cấu tạo rất khác với con trưởng thành.

D. trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua nhiều lần lột xác để biến đổi thành con trưởng thành.

**Câu 20:** Loài nào sau đây sinh trưởng và phát triển không qua biến thái?

- A. Éch đồng.                      B. Cào cào.                      C. Gà.                      D. Bướm.

### B. Thông hiểu

#### Tự luận

**Câu 1:** Hãy tích vào ô tương ứng biểu hiện của sinh trưởng, phát triển ở sinh vật:

Biểu hiện	Sinh trưởng	Phát triển
Hạt nảy mầm		
Cây cao lên		
Gà trống bắt đầu biết gáy		
Cây ra hoa		
Diện tích phiến lá tăng lên		
Lợn con tăng cân từ 2 kg lên 4kg		

**Câu 2:** Mỗi người cần làm gì để nâng cao tuổi thọ?

**Câu 3:** Tại sao thân cây tre bị gãy ngọn có thể tiếp tục cao thêm nhưng thân cây bạch đàn bị gãy ngọn sẽ không thể cao thêm nữa?

**Câu 4:** Hãy xác định lời tư vấn về sức khỏe sinh sản vị thành niên dưới đây là đúng hay sai?

A. Nếu mang thai trước 18 tuổi thì thai phát triển thường không thuận lợi, khi sinh khó và dễ gây tổn thương tử cung...

B. Nếu tính vòng kinh, thì những ngày từ thứ 1 đến ngày thứ 5 sau khi có kinh thì đó là những ngày không có nguy cơ mang thai khi giao hợp

C. Nạo phá thai nhiều sẽ dẫn đến nguy cơ vô sinh do viêm nhiễm, do tổn thương tử cung, do hình thành chất đầy thai...

D. Uống thuốc tránh thai khẩn cấp là một biện pháp có thể giúp tránh được mang thai nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe

#### Trắc nghiệm

**Câu 1:** Tuổi thọ của các loài sinh vật khác nhau thì do yếu tố nào quy định?

- A. Lối sống.                      B. Thức ăn.                      C. Môi trường sống.                      D. Kiểu gene.

**Câu 2:** Hình dạng chim bồ câu không giống với hình dạng các loài khác là do

- A. quá trình phân hóa tế bào.                      B. quá trình phát sinh hình thái.  
C. quá trình thay đổi cấu trúc tế bào.                      D. quá trình phát sinh chức năng của cơ thể.

**Câu 3:** Loại mô phân sinh không có ở cây lúa là

- A. mô phân sinh đỉnh rễ.                      B. mô phân sinh lóng.  
C. mô phân sinh bên.                      D. mô phân sinh đỉnh thân.

**Câu 4:** Trong kĩ thuật nhân giống *in vitro*, loại mô nào thường được sử dụng làm vật liệu nuôi cấy tạo cây hoàn chỉnh, giúp nhân nhanh các giống cây trồng trong thời gian ngắn?

- A. Mô phân sinh bên.                      B. Mô phân sinh lóng.  
C. Mô phân sinh đỉnh rễ.                      D. Mô phân sinh đỉnh.

**Câu 5:** Loại auxin phổ biến nhất ở thực vật là

- A. NAA.                      B. 2,4 - D.                      C. IAA.                      D. IBA

**Câu 6:** Chất nào sau đây không phải là chất kích thích sinh trưởng?

- A. GA.                      B. Kinetin.                      C. IAA.                      D. AAB

**Câu 7:** Hormone được ứng dụng để kích thích ra rễ của cành giâm, cành chiết trong nhân giống vô tính là

- A. gibberellin.      B. auxin.      C. cytokinin.      D. kinetin.

**Câu 8:** Trong đời sống, việc sản xuất giá đỗ và làm mạch nha đã ứng dụng giai đoạn nào trong chu kì sinh trưởng và phát triển của thực vật?

- A. Giai đoạn mọc lá, sinh trưởng mạch.      B. Giai đoạn nảy mầm.  
C. Giai đoạn ra hoa.      D. Giai đoạn tạo quả, chín.

**Câu 9:** Một số hormone ngoại sinh được ứng dụng nhiều trong sản xuất nông nghiệp:

- A. Gibberellin, Auxin, Ethylene.      B. Gibberellin, Absciscic acid, Ethylene.  
C. Gibberellin, Absciscic acid, Cytokinin.      D. Gibberellin, Auxin, Cytokinin

**Câu 10:** Cho các nhân tố chi phối quá trình phát triển của thực vật có hoa:

- I. yếu tố di truyền    II. hormone thực vật    III. ánh sáng    IV. nhiệt độ    V. chất dinh dưỡng  
Các nhân tố bên trong là:

- A. I, II, V.      B. I, II.      C. I, II, IV.      D. III, IV, V.

**Câu 11:** Những loài nào sau đây sinh trưởng và phát triển không qua biến thái?

- A. Châu chấu, ếch đồng, cá rô.      B. Bướm, mè, cá rô.  
C. Bò cào, rắn, mè.      D. Rắn, ruồi giấm, gà.

**Câu 12:** Những loài nào sau đây sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn?

- A. Cào cào, bướm, rắn mối.      B. Ruồi, ếch đồng, bướm.  
C. Bướm, châu chấu, cá heo.      D. Thằn lằn, tôm, cua.

**Câu 13:** Chu kì biến thái ở bướm gồm các giai đoạn theo trình tự nào sau đây?

- A. Sâu → bướm → nhộng → trứng.      B. Bướm → trứng → sâu → nhộng.  
C. Trứng → sâu → nhộng → bướm.      D. Trứng → nhộng → sâu → bướm.

**Câu 14:** Những động vật sinh trưởng và phát triển qua biến thái không hoàn toàn là

- A. Trăn, gián, dế mèn.      B. Bướm, ruồi giấm, muỗi.  
C. Bọ ngựa, cào cào, dế mèn.      D. Châu chấu, ếch đồng, gián.

**Câu 15:** Những động vật sinh trưởng và phát triển không qua biến thái là

- A. Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua.      B. Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.  
C. Châu chấu, ếch đồng, muỗi.      D. Cá lóc, gà, bò, dê.

### C. Vận dụng

#### Tự luận

**Câu 1:** Nếu một người bị nhược năng tuyến yên (giảm khả năng tiết hormone của tuyến yên) trong giai đoạn trước tuổi dậy thì thì chiều cao của người đó sẽ thay đổi như thế nào so với chiều cao của người bình thường? Giải thích?

**Câu 2:** Giải thích tại sao trong thực tiễn thường dùng auxin ở nồng độ thấp trong giâm cành.

**Câu 3:** Nam, nữ ở tuổi dậy thì cần phải làm gì để bảo vệ sức khỏe, chăm sóc bản thân và người khác?

#### Trắc nghiệm

**Câu 1:** Khi nói về sự sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Cây ra lá là sự phát triển của thực vật.  
II. Con gà tăng khối lượng từ 1,3 kg đến 3,1 kg là sự sinh trưởng của động vật.  
III. Phát triển là cơ sở cho sinh trưởng, sinh trưởng làm thay đổi và thúc đẩy phát triển.  
IV. Sinh trưởng và phát triển có liên quan mật thiết với nhau, không tách rời nhau và đan xen với nhau.  
A. 1.      B. 2.      C. 3.      D. 4.

**Câu 2:** Khi nói về dấu hiệu biểu hiện sự sinh trưởng của động vật. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Con bò tăng khối lượng cơ thể từ 60 kg đến 120 kg.      II. Con gà trồng mọc mào và cựa.  
III. Con gà mái đẻ trứng.      IV. Con trăn tăng chiều dài cơ thể thêm 22 cm.  
A. 1.      B. 2.      C. 3.      D. 4.

**Câu 3:** Sự hoa hoa của nhiều loài thực vật phụ thuộc vào tương quan độ dài ngày và đêm gọi là quang chu kì.

Thực vật đêm dài (thực vật ngày ngắn) gồm các loài cây nào sau đây?

- A. Thanh long, cúc, mía, củ cải đường, lạc.      B. Cà chua, cà tím, cà rốt, cúc và đậu tương.

C. Dâu tây, cà tím, cà rốt, lạc và hành. D. Cúc, thực dục, cà tím, đậu tương và mía.

**Câu 4:** Sự hoa hoa của nhiều loài thực vật phụ thuộc vào tương quan độ dài ngày và đêm gọi là quang chu kì. Thực vật đêm ngắn (thực vật ngày dài) gồm các loài cây nào sau đây?

A. Thanh long, dâu tây, cà rốt, củ cải đường và hành. B. Cà chua, cà tím, cà rốt, cúc và đậu tương.  
C. Dâu tây, cà tím, cà rốt, lạc và hướng dương. D. Cúc, thực dục, cà tím, đậu tương và mía.

**Câu 5:** Cho các bộ phận của cây như sau:

I. Đỉnh rễ II. Thân III. Chồi nách  
IV. Chồi đỉnh V. Hoa VI. Lá

Mô phân sinh đỉnh **không có** ở bộ phận nào của cây?

A. I, II, III. B. II, III, IV. C. III, IV, V. D. II, V, VI.

**Câu 6:** Cho các phát biểu sau:

I. Ethylene là hormone thực vật duy nhất tồn tại ở dạng khí.

II. Ethylene được vận chuyển bằng con đường khuếch tán trong phạm vi ngắn.

III. Ethylene được tổng hợp nhiều trong giai đoạn già hóa và quá trình chín của quả hoặc do tổn thương cơ học và hạn hán.

IV. Vai trò của ethylene là thúc đẩy sự chín của quả, kích thích sự rụng lá, và sự ra hoa của một số loài thực vật như dứa, xoài, dưa chuột.

V. Ethylene là hormone kích thích sinh trưởng và phát triển ở thực vật.

Những phát biểu đúng là:

A. I, II, III, IV và V. B. I, II, III và IV. C. II, III, IV và V. D. I, III, IV và V.

**Câu 7:** Cho biết mối tương quan của các loại hormone trong một số quá trình sinh trưởng và phát triển của thực vật trong bảng sau. Ghi chú: “-” không rõ tác động.

Quá trình	Hormone thực vật				
	Auxin	Gibberellin	Cytokinin	Ethylene	Abscisic acid
Nảy mầm của hạt	-	Kích thích	-	-	Ức chế
Rụng lá	Ức chế	-	-	Kích thích	Kích thích
Già hóa của mô, cơ quan	Ức chế	Ức chế	Ức chế	Kích thích	Kích thích
Chín của quả	Ức chế	-	-	Kích thích	-
Phát triển của chồi bên	Ức chế	-	Kích thích	-	-

Ức chế sự già hóa của mô và cơ quan do tác động của các loại hormone nào sau đây?

A. Auxin, gibberellin và cytokinin. B. Auxin, ethylene và abscisic acid.  
C. Gibberellin, cytokinin và abscisic acid. D. Cytokinin, ethylene và abscisic acid.

**Câu 8:** Ở động vật, ánh sáng ở vùng quang phổ nào tác động lên da để biến tiền vitamin D thành vitamin D?

A. Tia hồng ngoại. B. Tia tử ngoại.  
C. Tia alpha. D. Tia sáng nhìn thấy được.

**Câu 9:** Hormone nào sau đây nếu được tạo thành nhiều sẽ sinh ra bệnh to đầu xương chi ở người lớn?

A. Testosterone. B. Thyroxine. C. Estrogen. D. Sinh trưởng(GH).

**Câu 10:** Ở các loài chim, việc ấp trứng có tác dụng

A. giúp cho tập tính ấp trứng không bị mất đi.  
B. bảo vệ trứng không bị kẻ thù tấn công lấy đi.  
C. tạo nhiệt độ thích hợp trong thời gian nhất định, giúp hợp tử phát triển.  
D. tăng tỉ lệ sống của trứng đã thụ tinh.

#### D. Vận dụng cao

##### Trắc nghiệm

**Câu 1.** Cho các nhóm sinh vật sau:

I. Cua; Mối; Tôm; Gián; Đế II. Chuồn chuồn; Ruồi nhà; Ong; Bọ ngựa  
III. Chuột; Mèo; Cá; Gà IV. Cá; Cua; Muỗi; Ong

Nhóm sinh vật nào phát triển qua biến thái không hoàn toàn?

A. Nhóm I.

B. Nhóm IV.

C. Nhóm III.

D. Nhóm II.

Câu 2. Quan sát hình dưới đây và cho biết có bao nhiêu nhận định sai?

I. Tất cả côn trùng có kiểu phát triển giống bướm.

II. Ở Bướm, ấu trùng trải qua nhiều lần lột xác để hình thành bộ phận mới.

III. Gà con có

cấu tạo gần giống con trưởng thành. (cấu tạo giống con trưởng thành.)

IV. Tất cả động vật có xương sống có kiểu phát triển không qua biến thái.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 3 Quan sát hình dưới đây và cho biết có bao nhiêu nhận định đúng?

I. Gián, dế có kiểu phát triển giống cào cào.

II. Ở cào cào, sự khác biệt về hình thái và cấu tạo của ấu trùng giữa các lần lột xác là rất nhỏ

III. Ấu trùng của bướm và cào cào có hình thái, cấu tạo và sinh lý rất khác với con trưởng thành.

IV. Tất cả côn trùng có kiểu phát triển qua biến thái.

A. 1.

B. 2.

2.5. Đề minh họa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI  
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ MINH HỌA

Mã đề: 001

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (28 CÂU – 7 điểm)

Câu 1: Vòng đời của một cây Táo bắt đầu bằng

A. Hợp tử

B. Hạt phấn

C. Cây non

D. Hạt

Câu 2: Những sinh vật nào sau đây phát triển qua biến thái hoàn toàn

A. Cào cào

B. Sâu rau

C. Muỗi

D.Ếch

Câu 3: Tyroxine là hoocmon được sản sinh ở cơ quan nào sau đây?

A. Tinh hoàn

B. Tuyến giáp

C. Tuyến yên

D. Buồng trứng

Câu 4: Củ khoai tây sau khi đào về không nảy mầm ngay vì trong củ khoai tây lúc này đang có nhiều loại hoocmon nào sau đây?

A. Ethylene

B. Abscisic acid

C. Gibberellin

D. Cytokinin

Câu 5: Nơi nào sau đây không có mô phân sinh đỉnh

A. Thân cây

B. Đỉnh rễ

C. Đỉnh chồi

D. Đỉnh ngọn

Câu 6: Những hoocmon là những hoocmon kích thích sinh trưởng ở thực vật?

A. Ethylene, Abscisic acid

B. Auxin, Abscisic acid

C. Cytokinin, Ethylene

D. Auxin, gibberellin

Câu 7: Những loại cây nào sau đây thuộc nhóm thực vật đêm ngắn( ngày dài) ?

A. Cúc

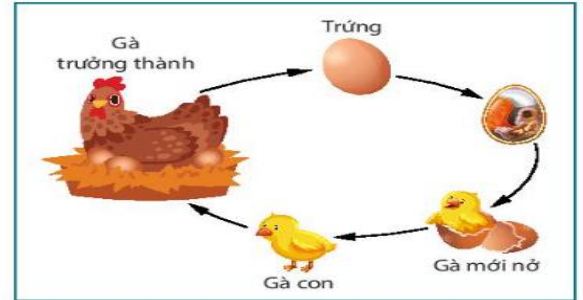
B. Mía

C. Cà chua

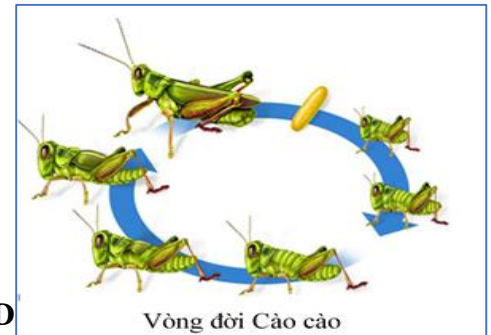
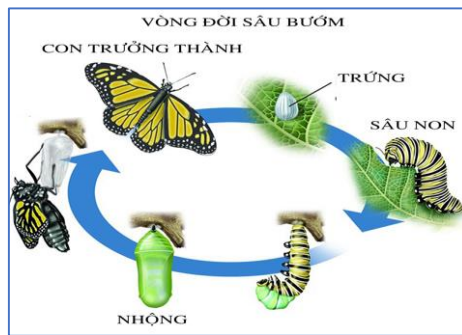
D. Thanh long



a) Vòng đời của bướm



b) Vòng đời của gà



ĐỀ THI HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn thi: SINH HỌC 11

Ngày thi: .../ 4 /2024

Thời gian làm bài: 45 phút



**Câu 8:** Cây cải bắp phải trải qua nhiệt độ thấp 5-8<sup>0</sup> trong khoảng thời gian 6 – 8 tuần thì mới ra hoa. Đây gọi là hiện tượng gì?

- A. Sinh sản
- B. Quang chu kì
- C. Xuân hóa
- D. Sinh trưởng

**Câu 9:** Sinh trưởng ở sinh vật là

- A. quá trình tăng kích thước và tuổi của cơ thể.
- B. quá trình tăng kích thước và khối lượng cơ thể.
- C. quá trình tăng khối lượng và tuổi của cơ thể.
- D. Quá trình tăng thể tích và khối lượng của cơ thể.

**Câu 10:** Quan sát hình vòng đời của ếch. Kiểu phát triển của ếch là

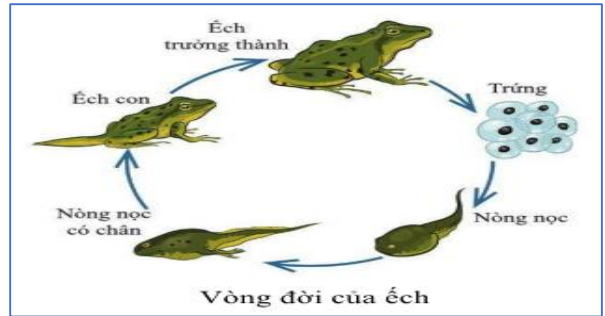
- A. không qua biến thái.
- B. biến thái không hoàn toàn.
- C. biến thái hoàn toàn.
- D. biến thái 1 phần cơ thể.

**Câu 11:** Các hormone kích thích sinh trưởng bao gồm

- A. auxin, gibberellin, cytokinin.
- B. auxin, abscisic acid, cytokinin.
- C. auxin, ethylene, abscisic acid.
- D. auxin, gibberellin, ethylene.

**Câu 12:** Ở trẻ em, bị còi xương, chậm lớn do thiếu vitamin gì?

- A. Vitamin D.
- B. Vitamin A.
- C. Vitamin C.
- D. Vitamin E.



**Câu 13:** Loại mô phân sinh không có ở cây lúa là

- A. mô phân sinh đỉnh rễ.
- B. mô phân sinh lóng.
- C. mô phân sinh bên.
- D. mô phân sinh đỉnh thân.

**Câu 14:** Hormone được ứng dụng để kích thích ra rễ của cành giâm, cành chiết trong nhân giống vô tính là

- A. gibberellin.
- B. auxin.
- C. cytokinin.
- D. kinetin.

**Câu 15:** Trong đời sống, việc sản xuất giá đỡ và làm mạch nha đã ứng dụng giai đoạn nào trong chu kì sinh trưởng và phát triển của thực vật?

- A. Giai đoạn mọc lá, sinh trưởng mạch.
- B. Giai đoạn nảy mầm.
- C. Giai đoạn ra hoa.
- D. Giai đoạn tạo quả, chín.

**Câu 16:** Những động vật sinh trưởng và phát triển qua biến thái không hoàn toàn là

- A. Trăn, gián, dế mèn.
- B. Bướm, ruồi giấm, muỗi.
- C. Bọ ngựa, cào cào, dế mèn.
- D. Châu chấu, ếch đồng, gián.

**Câu 17:** Hormone có tác dụng kích thích phát triển và hoạt động của hệ thần kinh, tăng sinh nhiệt là

- A. testosterone.
- B. thyroxine.
- C. eEstrogen.
- D. juvenile.

**Câu 18:** Vitamin có vai trò chuyển hóa canxi để hình thành xương là

- A. vitamin A.
- B. vitamin D.
- C. vitamin E.
- D. vitamin K.

**Câu 19:** Sự hoa hoa của nhiều loài thực vật phụ thuộc vào tương quan độ dài ngày và đêm gọi là quang chu kì. Thực vật đêm ngắn (thực vật ngày dài) gồm các loài cây nào sau đây?

- A. Thanh long, dâu tây, cà rốt, củ cải đường và hành.
- B. Cà chua, cà tím, cà rốt, cúc và đậu tương.
- C. Dâu tây, cà tím, cà rốt, lạc và hướng dương.
- D. Cúc, thực dục, cà tím, đậu tương và mía.

**Câu 20:** Hormone nào sau đây nếu được tạo thành nhiều sẽ sinh ra bệnh to đầu xương chi ở người lớn?

- A. Testosterone.
- B. Thyroxine.
- C. Estrogen.
- D. Sinh trưởng(GH).

**Câu 21:** Ở các loài chim, việc ấp trứng có tác dụng

- A. giúp cho tập tính ấp trứng không bị mất đi.
- B. bảo vệ trứng không bị kẻ thù tấn công lấy đi.
- C. tạo nhiệt độ thích hợp trong thời gian nhất định, giúp hợp tử phát triển.
- D. tăng tỉ lệ sống của trứng đã thụ tinh.

**Câu 22:** Cho các nhóm sinh vật sau:

- I. Cua; Mối; Tôm; Gián; Dế
- II. Chuồn chuồn; Ruồi nhà; Ong; Bọ ngựa
- III. Chuột; Mèo; Cá; Gà
- IV. Cá; Cua; Muỗi; Ong

Nhóm sinh vật nào phát triển qua biến thái không hoàn toàn?

- A. Nhóm I.
- B. Nhóm IV.
- C. Nhóm III.
- D. Nhóm II.

